TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: **136**/2024/HNGĐ-PT Ngày: 20-11-2024 Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2024/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1193/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5631/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1992; địa chỉ: Số K xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Chí L**, sinh năm 1963; địa chỉ liên hệ: Số I Đường Q, ấp H, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 10 năm 2024). Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thanh L1**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số M Đường T, quận B, Thành phố H. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân T** –

Luật sư Văn phòng luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường N, Phường B, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thanh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thanh L1 tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X ngày 06 tháng 11 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 12 năm 2023, ông N và bà L1 đã sống ly thân. Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn và tại phiên tòa sơ thẩm bà L1 đồng ý.

[1.2] Về con chung: Ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thanh L1 có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trung H1, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2019. Ông N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng; trường hợp bà L1 yêu cầu được nuôi con thì ông N đồng ý và cấp dưỡng cho con 6.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà L1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con 12.000.000 đồng/tháng.

[1.3] Về tài sản chung: Ông N có yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ: Số M Đường T, phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau đó đã rút yêu cầu để tự thỏa thuận giải quyết với bà L1. Bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

[1.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thanh L1 cùng trình bày giữa hai người không có nợ chung.

[2] Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1193/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trọng N đối với bà Nguyễn Thanh L1. Giấy chứng nhận kết hôn số X, ngày 06 tháng 11 năm 2018 do UBND xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Trung H1, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2019. Giao trẻ H1 cho bà Nguyễn Thanh L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Thực hiện vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng,

bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông N về việc chia tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ: đường T, phường D, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về nợ chung: Ông N và bà L1 cùng khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, về thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 9 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thanh L1 có đơn kháng cáo đối với phần Bản án sơ thẩm giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng, cụ thể: Bị đơn chấp nhận với mức cấp dưỡng của nguyên đơn là 6.000.000 (sáu triệu) đồng một tháng theo như Bản án sơ thẩm đã tuyên xử nhưng bổ sung yêu cầu ngoài số tiền cấp dưỡng nêu trên, ông N còn phải là người trực tiếp đóng tiền học phí của con tại trường chuyên biệt Tương Lai tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[4.1] Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Trẻ Nguyễn Trung H bị bệnh chậm phát triển tâm vận động so với lứa tuổi, ngoài chi phí nuôi dưỡng, khám chữa bệnh, trẻ còn cần theo học tại trường học chuyên biệt, học phí mỗi tháng tổng cộng khoảng 11.000.000 đồng. Tuy mức thu nhập hàng tháng của bà là 15.000.000 đồng nhưng vẫn chưa thể đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chung. Ông N là bác sỹ, thu nhập hàng tháng là 50.000.000 đồng, do đó, ngoài mức cấp dưỡng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông N thực hiện, bà yêu cầu ông N phải chi trả thêm khoản tiền học phí tại trường chuyên biệt Tương Lai tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.2] Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn do thu nhập của ông là 20.000.000 đồng/tháng, ông chỉ đồng ý cấp dưỡng cho con chung 6.000.000 đồng/tháng, khoản thu nhập còn lại ông phải lo cho bản thân, cha và chị gái của ông. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L11 đã khẳng định bản thân đủ khả năng để nuôi con nên yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nay bà L1 lại yêu cầu ông chi trả học phí của con chung thì ông không đồng ý.

[4.3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bà Nguyễn Thanh L1 cho

rằng mức lương của ông N thực tế là 50.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, ông N chỉ thừa nhận và cung cấp bảng lương với mức thu nhập 20.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HD9TP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết về việc hôn nhân và gia đình thì tiền cấp dưỡng cho con do các bên thỏa thuận, trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và không thấp hơn một nữa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Mức cấp dưỡng mà ông N đưa ra và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đã phù hợp với mức thu nhập của ông N, cũng như phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh L1 là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh L1 làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt người đại diện, bị đơn xác định không yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tham gia tại cấp phúc thẩm, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

II. Về nội dung: Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thanh L1 tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X ngày 06 tháng 11 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2023, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 12 năm 2023, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bị đơn thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện

ông N cấp dưỡng cho con số tiền 12.000.000 đồng/tháng; tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đồng ý ly hôn.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hôn nhân giữa ông N và bà L1 đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thanh L1 có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trung H1, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2019. Từ thời điểm ông N và bà L không còn chung sống, con chung do bà L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được đảm bảo tốt các nhu cầu về học tập, sinh hoạt và chăm sóc y tế. Để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của con chung, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con chung cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung khi ly hôn nhưng đã tự nguyện rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này. Bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản. Ông N và bà L1 cùng trình bày giữa hai người không có nợ chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo đối với các phần quyết định nêu trên của Bản án sơ thẩm nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bị đơn bà Nguyễn Thanh L1 kháng cáo và trình bày ý kiến đồng ý với mức cấp dưỡng cho con là 6.000.000 đồng/tháng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử, nhưng yêu cầu ông N hàng tháng phải chi trả thêm tiền học phí của con chung là 11.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày lí do đưa ra yêu cầu kháng cáo vì cho rằng ông N có mức thu nhập thực tế cao hơn so với mức thể hiện tại hợp đồng lao động mà ông N cung cấp cho Tòa án. Con chung do bị bệnh chậm phát triển tâm vận động nên cần được theo học trường chuyên biệt, mức thu nhập của bà và số tiền cấp dưỡng hàng tháng hiện tại của ông N chưa thể đảm bảo được khoản học phí cho con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại các điều 71, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình: Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên; cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con; mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thu nhập, khả năng kinh tế của ông N, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên, buộc ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng, mức cấp dưỡng này do ông N tự nguyện và đã cao hơn ½ mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là 4.960.000 đồng là phù hợp.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con. Mức cấp dưỡng 6.000.000 đồng/tháng mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử là đã bao gồm chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con.

Bị đơn kháng cáo trình bày đồng ý với mức cấp dưỡng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông N thực hiện nhưng lại yêu cầu bổ sung về tiền học phí cho con chung là không có cơ sở. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện mức cấp dưỡng Tòa án cấp sơ thẩm ấn định là không phù hợp nên không có cơ sở để chấp nhận. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thanh L1 là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn bà Nguyễn Thanh L1 vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1193/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thanh L1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đương sự đã nộp theo Biên lai thu số Y ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H, đương sự đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

IV. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND quận Bình Tân, Tp. HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân, Tp. HCM;
- UBND xã T, huyện M, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu. (TC: 20b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn